TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2025/HNGĐ - ST Ngày 10 - 9 - 2025 V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2025/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số 07/2025/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025.

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: T5, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: T5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Trí Đ, sinh năm 1982 – Vắng mặt.

Địa chỉ: T5, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: T5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2025, cũng như quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị H trình bày:* Bà Trương Thị H và ông Trần Trí Đ có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 23/01/2007, việc đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối. Quá trình chung sống bà Trương Thị H và ông Trần Trí Đ có 03 con chung là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 13/02/2008, Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 28/12/2010 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 08/11/2016. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do tính tình và bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trương Thị H viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các mối quan hệ trên như sau:

Về hôn nhân: Bà Trương Thị H xin được ly hôn với ông Trần Trí Đ.

Về con chung: Bà Trương Thị H có vọng nuôi các con chung là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 13/02/2008, Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 28/12/2010 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 08/11/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn ông Trần Trí Đ:** Hiện đang thường trú và sinh sống tại địa phương nhưng không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Đ tại địa phương thể hiện giữa bà H và ông Đ có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Trên cơ sở nội dung xác minh và lời trình bày mâu thuẫn phát sinh giữa bà H và ông Đ. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được Tòa án giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

** Ý kiến các con chung của bà H, ông Đ:* Tại các văn bản trình bày ý kiến của Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 13/02/2008, Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 28/12/2010 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 08/11/2016: Trường hợp ông Đ và bà H ly hôn thì nguyện vọng của các con chung là xin được ở với bà H.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành việc tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị HĐXX:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trương Thị H về việc ly hôn với ông Trần Trí Đ.

Về con chung: Đề nghị giao 03 con chung chưa thành niên là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 13/02/2008, Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 28/12/2010 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 08/11/2016 cho bà Trương Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Đề nghị tuyên buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Những yêu cầu kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết qủa tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngày 24/4/2025 bà Trương Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Trần Trí Đ và yêu cầu giải quyết con chung. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại T5, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: T5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông). Vì vậy, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Lâm Đồng quy định tại Điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự để tham gia giải quyết vụ

án và xét xử. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn không có mặt theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Bà Trương Thị H, sinh năm 1987 và ông Trần Trí Đ, sinh năm 1982 có đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2007, tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Khi kết hôn cả hai bên đều tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Vào thời điểm kết hôn, bà H và ông Đ đều đã đủ tuổi kết hôn. Vì vậy, căn cứ nguyên nhân ly hôn là do giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân với nhau. Xác minh trình trạng hôn nhân tại địa phương thể hiện: Hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. HĐXX xét thấy, hiện nay các bên đã không chung sống với nhau nên trình trạng hôn nhân đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ.

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4]. Về con chung: HĐXX xét thấy việc bà H có nguyện vọng xin nuôi 03 con chung phù hợp với lời trình bày của con chung bà H và ông Đ. Vì vậy, HĐXX cần giao con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 13/02/2008; cháu Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 28/12/2010 và cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 08/11/2016 cho bà Trương Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trương Thị H không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

Các bên đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Trường hợp một trong các bên lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Người không nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vự 8 – Lâm Đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 170, Điều 173, Điều 174, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều

271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều BLTTDS năm 2025.

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trương Thị H.

[1] Về hôn nhân: Bà Trương Thị H được ly hôn với ông Trần Trí Đ.

[2] Về con chung: Giao các con chung là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 13/02/2008, Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 28/12/2010 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 08/11/2016 cho bà Trương Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trương Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ông Trần Trí Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006408 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ (nay là Phòng Thi hành án Dân sự K – Lâm Đồng).

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh L;*
- *VKSND tỉnh L;*
- *VKSND khu vực 8-Lâm Đồng;*
- *THADS tỉnh L;*
- *Phòng Thi hành án Dân sự K;*
- *UBND xã Đ;.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà